

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/12/2022.

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Minh Tân.

2. Ông Lê Anh Việt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Lâm Hoàng Huynh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Hữu Thọ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/12/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 299/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022 về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2022/QĐXX-ST ngày 12 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Thị Phương Th, sinh năm 2000 (*vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Địa chỉ: số 04, hẻm 111/22A, khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh;

- Bị đơn: Trần Phú A, sinh năm 1994 (*vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai, bản tự khai nguyên đơn chị Trần Thị Phương Th trình bày:

Chị Trần Thị Phương Th và anh Trần Phú A do quen biết tiền đến hôn nhân có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hiệp Tân, huyện Hòa Thành (nay đổi thành phường Hiệp Tân, thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 91 ngày 29/8/2018. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Đến khoảng cuối 2018 thì phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tình tình không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Anh A đã bỏ đi về nhà cha mẹ ruột sống ở ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp sống từ năm 2018 cho đến nay. Nay chị Trần Thị Phương Th yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Phú A.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn: Có 01 con chung tên Trần Ngọc Anh Đ, sinh ngày 21/01/2019 (hiện con đang sống với chị Trần Thị Phương Th). Chị Th yêu cầu được nuôi cháu Đào sau khi ly hôn, không yêu cầu Anh A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị Phương Th trình bày không có.

Về nợ chung: Chị Trần Thị Phương Th trình bày không có.

Theo biên bản ghi lời khai bị đơn anh Trần Phú A trình bày.

Anh Trần Phú A và chị Trần Thị Phương Th do quen biết tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hiệp Tân, huyện Hòa Thành (nay đổi thành phường Hiệp Tân, thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 91 ngày 29/8/2018. Sau khi kết hôn thì sống nhờ bên nhà cha, mẹ chị Th. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến khoảng cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Anh A đã bỏ đi về nhà cha mẹ ruột ở ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp sống từ năm 2018 và ly thân cho đến nay. Nay Anh A cảm thấy hôn nhân không hạnh phúc, nên chị Th yêu cầu xin ly hôn Anh A đồng ý.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn: Có 01 con chung tên Trần Ngọc Anh Đ, sinh ngày 21/01/2019 (hiện con đang sống với chị Trần Thị Phương Th). Anh A đồng ý giao con cho chị Th nuôi sau khi ly hôn, việc cấp dưỡng nuôi con Anh A và chị Th tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Trần Phú A trình bày không có.

Về nợ chung: Anh Trần Phú A trình bày không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc đường lối giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Phương Th.

+ Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Trần Ngọc Anh Đ, sinh ngày 21/01/2019 (hiện con đang sống với chị Trần Thị Phương Th) cho chị Th nuôi sau khi ly hôn. Việc cấp dưỡng nuôi con Anh A, chị Th tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Chị Trần Thị Phương Th và anh Trần Phú A trình bày không có, nên không xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung: Chị Trần Thị Phương Th và anh Trần Phú A trình bày không có, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị Phương Th yêu cầu ly hôn với anh Trần Phú A, yêu cầu được nuôi con sau khi ly hôn. Anh A có nơi cư trú tại: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào các Điều 56, 71, 72 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “*Xin ly hôn*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Chị Trần Thị Phương Th, anh Trần Phú A vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt chị Trần Thị Phương Th và anh Trần Phú A là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Chị Th, Anh A do quen biết tiền đến hôn nhân có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hiệp Tân, huyện Hòa Thành (nay đổi thành phường Hiệp Tân, thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/8/2018 do đó hôn nhân của chị Th và Anh A là hợp pháp.

Thời gian đầu thì chị Th và Anh A chung sống hạnh phúc cho đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tình tình không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Anh A đã bỏ đi về nhà cha mẹ ruột sống ở ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp sống từ năm 2018 cho đến nay. Nay chị Th yêu cầu xin ly hôn Anh A đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị Th, Anh A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình 2014 yêu cầu xin ly hôn của chị Th là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Th, Anh A có 01 con chung tên Trần Ngọc Anh Đ, sinh ngày 21/01/2019 (hiện con đang sống với chị Trần Thị Phương Th). Chị Th, Anh A thỏa thuận giao con cho chị Th nuôi sau khi ly hôn nên ghi nhận sự thỏa thuận này của chị Th và Anh A. Việc cấp dưỡng nuôi con chị Th không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Th và Anh A không có yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị Th và Anh A trình bày không có, nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ vào các Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu xin ly hôn của Chị Th được chấp nhận nên Chị Th phải chịu 300.000 đồng

tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, chấp nhận yêu cầu nuôi con là phù hợp với quy định pháp luật nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 71, 72 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Phương Th.

Chị Trần Thị Phương Th được ly hôn với anh Trần Phú A.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Trần Ngọc Anh Đ, sinh ngày 21/01/2019 cho chị Trần Thị Phương Th nuôi dưỡng (hiện cháu Đào đang sống với chị Trần Thị Phương Th). Việc cấp dưỡng nuôi con chị Th và Anh A tự thỏa thuận không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Anh Trần Phú A được quyền đến năm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chị Trần Thị Phương Th và anh Trần Phú A không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Trần Thị Phương Th và anh Trần Phú A trình bày không có, nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Phương Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, số tiền án phí chị Th đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0015326 ngày 21/11/2022 được trừ vào án phí chị Th phải chịu (chị Th đã nộp xong án phí).

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND phường Hiệp Tân, thị xã Hòa Thành,
tỉnh Tây Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Nhân